

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-11-2022
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Huỳnh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Công

Ông Thạch Thanh Long

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Không tham dự.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 449/2022/TLST-HN ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1968

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn C, huyện CL, tỉnh T.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn C, huyện CL, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 9 năm 2022 và bản tự khai ngày 02 tháng 11 năm 2022 nguyên đơn bà Huỳnh Thị K trình bày:

Bà K với ông Nguyễn Văn H quen biết nhau và được sự đồng ý của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 1988, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 20 tháng 12 năm 2002. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, cho đến năm 2015 thì vợ phát sinh mâu thuẫn do chồng có người phụ nữ khác nên vợ chồng bắt đầu quan điểm sống, thường xuyên cự cãi với nhau và ông H bỏ địa phương đi từ tháng 02 năm 2017 đến nay không về địa phương, bà K có tìm kiếm

và có yêu cầu Toà án tuyên bố mất tích nhưng đến nay ông H không về để cùng nhau xây dựng hạnh phúc. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà K yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên Nguyễn Thuỳ Tr, sinh năm 1993, Nguyễn Thuỳ D, sinh năm 1989, Nguyễn Huỳnh Phương T, sinh năm 2002 đều đã trưởng thành. Sau khi ly hôn bà K không yêu cầu giải quyết người nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Bà không có yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng và người khác nợ vợ chồng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến ông Nguyễn Văn H: Theo Công văn số 55/CV-TA ngày 01/11/2022 của Toà án nhân dân huyện Càng Long do ông Lê Văn là Trưởng ban nhân dân Khóm 5, thị trấn Càng Long xác nhận bị đơn ông Nguyễn Văn H đã bỏ địa phương không về từ tháng 02/2017 nên không có lời khai.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị K đối với ông Nguyễn Văn H có địa chỉ Khóm 5, thị trấn C, huyện CL, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[2] Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nhưng đã được Tòa án tuyên bố mất tích và triệu tập hợp lệ nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị K với ông Nguyễn Văn H tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Tân An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 609, Quyển số 04 ngày 20 tháng 12 năm 2002 đã xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Bà Huỳnh Thị K cho rằng, hôn nhân giữa bà với ông H nay không còn hạnh phúc do ông H bỏ ông đi biệt tích từ năm 2017 đến nay không biết đi đâu nên yêu cầu xin ly hôn với ông H. Thấy rằng, sau khi cưới vợ chồng bà K với ông H sống rất hạnh phúc. Đến năm 2015 thì vợ chồng bà K với ông H có mâu thuẫn vợ chồng nên ông H nhà đi biệt tích không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Tại quyết định số 06/2021/QĐST-VDS ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Càng Long đã tuyên bố ông H mất tích. Đến nay, ông H không về để cùng

bà K xây dựng hạnh phúc gia đình. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng bà K, ông H đã không sống với nhau, không còn mang lại hạnh phúc cho nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm cho nhau, cuộc sống hạnh phúc không còn. Nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Từ những những cơ sở trên, bà K yêu cầu xin ly hôn với ông H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà K được ly hôn với ông H.

[5] Về con chung: Vợ chồng bà K và ông H có 03 người con chung tên Nguyễn Thuỳ T, sinh năm 1993, Nguyễn Thuỳ D, sinh năm 1989, Nguyễn Huỳnh Phương Th, sinh năm 2002. Hiện nay, các con đều đã trưởng thành. Sau khi ly hôn bà K không yêu cầu giải quyết người nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Bà K không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau khi ly hôn nếu có phát sinh tranh chấp, các bên được quyền yêu cầu trong vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Nguyên đơn bà K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều Căn cứ vào các Điều 33, 51, 54, 55, 56, 57, 58, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Giấy chứng nhận kết hôn số 609, Quyền số 04 ngày 20 tháng 12 năm 2002 do Ủy ban nhân dân xã Tân An, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh cấp cho bà Huỳnh Thị K và ông Nguyễn Văn H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Vợ chồng bà K và ông H có 03 người con chung tên Nguyễn Thuỳ T, sinh năm 1993, Nguyễn Thuỳ D, sinh năm 1989, Nguyễn Huỳnh Phương Th, sinh năm 2002 đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Bà K không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau khi ly hôn nếu có phát sinh tranh chấp, các bên được quyền yêu cầu trong vụ kiện khác.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị K nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012943 ngày 18 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long nên bà K không còn phải nộp.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Bà Huỳnh Thị K và ông Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Thạch Huỳnh Liêm